

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I P
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 28/10/2021

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I P, TỈNH G L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Thu Thủy.

Ông Nay Phen.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I P, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021, về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện I P (Theo Quyết định số 2966/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 về việc “Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án”).

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, xã Kim Tân, huyện I P, tỉnh G L. Vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Minh T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện I P (Theo Quyết định số 403/QNHNNo.IP-UQ ngày 27/10/2021).

Địa chỉ: Đường H V, xã K T, huyện I P, tỉnh G L. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông S M, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn A R 1, xã Ia Mron, huyện I P, tỉnh G L. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà K H'K, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn A R 1, xã I M, huyện I P, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt là Agribank)- ông Lê Minh T trình bày:

Ngày 20/11/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P và ông S M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5014-LAV-201901656 ngày 20/11/2019, bà K H'K (vợ ông S M) ủy quyền cho ông S M thực hiện giao dịch vay vốn tại ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo giấy ủy quyền số 01/UQ, ngày 20/11/2019. Cụ thể: số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Lãi suất là 10%/năm (lãi suất biến đổi), lãi suất quá hạn 150%/năm. Thời gian vay là 12 tháng từ ngày 20/11/2019 đến ngày 20/11/2020. Mục đích vay: Chăn nuôi 15 con bò thịt và chi phí mua sắm vật dụng trong gia đình. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức. Thời hạn cho vay và kỳ hạn nợ: Theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng tín dụng. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký, ngày 20/11/2019 ông S M đã vay của ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng bằng giấy nhận nợ số 5014-LDS-2019 02476 ngày 20/11/2019, từ thời điểm vay đến kỳ hạn trả nợ cuối ngày 20/11/2020 ông S M và bà K H'K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho ngân hàng theo cam kết trong giấy nhận nợ số 5014-LDS-2019 02476 ngày 20/11/2019. Từ khi vay vốn cho đến nay thì ông S M và bà K H'K mới trả được cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng. Đến nay ông S M và bà K H'K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S M và bà K H'K phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/11/2020 tổng cộng là 220.712.329 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S M và bà K H'K phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử ngày 28/10/2021 là 238.764.932 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 191.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 20.493.151 đồng và nợ lãi quá là 27.271.781 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông S M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K H'K đã không đến Tòa án để tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không đến tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông S M đã có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án cụ thể:

- Ông S M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2021: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam 29/11/2019 ông và vợ ông là bà K H'K có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 200.000.000 đồng để chăn nuôi bò và mua sắm đồ dùng sinh hoạt. Nay, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện vợ chồng ông bà trả lại số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 28/11/2020 là 220.712.329 đồng thì ông đồng ý nhưng do điều kiện gia đình khó khăn nên vợ chồng ông chưa trả nợ cho ngân hàng được.

Tại phiên tòa, đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện I P khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Vào các Điều 116, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông S M và bà K H'K phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc đã vay là 191.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 20.493.151 đồng và nợ lãi quá là 27.271.781 đồng. Tổng cộng là 238.764.932 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Buộc ông S M và bà K H'K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông S M và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan bà K H'K. Tuy nhiên, ông M và bà H'K đã không có mặt tại Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Việc ông M và bà H'K không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến Toà án để tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà H'K.

[2] Về nội dung: Ngày 20/11/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P và ông S M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5014-LAV-201901656 ngày 20/11/2019, bà K H'K (vợ ông S M) ủy quyền cho ông S M thực hiện giao dịch vay vốn tại ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P theo giấy ủy quyền số 01/UQ, ngày 20/11/2019. Cụ thể: Số tiền vay là 200.000.000 đồng; Lãi suất là 10%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay: Chăn nuôi 15 con bò thịt và chi phí mua sắm vật dụng trong gia đình. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức. Thời hạn cho vay và kỳ hạn nợ: Theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng tín dụng. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2021 ông S M cũng thừa nhận ông và vợ ông là bà K H'K có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 200.000.000 đồng để chăn nuôi bò và mua sắm đồ dùng sinh hoạt. Như vậy khoản vay trên là khoản vay chung của vợ chồng ông S M và bà K H'K. Khi đến hạn trả nợ ngày 20/11/2020 ông S M và bà K H'K đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên khoản nợ trên đã chuyển sang quá hạn từ ngày 21/11/2020.

Xét việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 5014-LAV-201901656 ngày 20/11/2019 và giấy nhận nợ số 5014-LDS-2019 02476 ngày 20/11/2019 giữa Ngân hàng với ông S M và bà K H'K phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và các bên tham gia giao dịch tự nguyện nên hợp đồng và giấy nhận nợ nêu trên là hợp pháp. Sau khi vay vốn thì ông S M và bà K H'K mới trả được cho ngân hàng 9.000.000 đồng tiền nợ gốc. Sau đó thì ông S M và bà K H'K đã không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng vay vốn và theo giấy nhận nợ số 5014-LDS-2019 02476 ngày 20/11/2019 đã ký kết. Ông ông S M và bà K H'K đã vi phạm về điều khoản trong giấy nhận nợ. Cụ thể là đến kỳ hạn trả nợ ngày 20/11/2020, ông S M và bà K H'K đã không trả nợ cho ngân hàng và từ đó đến ngày ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì ông S M và bà K H'K cũng không đến trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng. Nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S M và bà K H'K phải trả toàn bộ số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày xét xử ngày 28/10/2021 là 238.764.932 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 191.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là

20.493.151 đồng và nợ lãi quá là 27.271.781 đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông S M và bà K H'K phải chịu 11.938.246 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng: Các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông S M và bà K H'K phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P số tiền vay gốc là 191.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 20.493.151 đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/10/2021 là 27.271.781 đồng. Tổng cộng là 238.764.932 đồng (*Hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho

đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông S M và bà K H'K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.938.246 đồng (*Mười một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng*); Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 5.517.808 đồng (*Năm triệu năm trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000438 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I P, tỉnh G L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện I P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện I P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân